

Số: 05/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 15 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân
kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022; Văn bản số 1416/UBND-TH ngày 04/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022, cụ thể như sau:

1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý năm 2021 sang năm 2022 với số vốn 93.192.260.701 đồng.

2. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương do cấp huyện, cấp xã quản lý năm 2021 sang năm 2022 với số vốn 41.035.963.800 đồng.

3. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2021 được phép kéo dài không quá 31 tháng 12 năm 2022.

(Chi tiết danh mục chương trình, dự án kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2022 như biểu số I; biểu số II và các biểu số II.1, II.2, II.3, II.4, II.5, II.6, II.7, II.8, II.9 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. / *hmd*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính Phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



Nguyễn Đăng Quang

Biểu số I

**TỔNG HỢP DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
KẾ HOẠCH 2021 DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ**
KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang
	TỔNG CỘNG	93.192.260.701
I	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	19.507.639.582
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải	111.650.000
2	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích Quốc gia đặc biệt Cảng Quân sự Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	16.864.000
3	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái thác Ba Vòi, huyện Đakrông	56.683.000
4	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái Brai-Tà Puồng, huyện Hướng Hóa	171.680.000
5	Quy hoạch Quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	121.977.200
6	Cấm mốc ranh giới sử dụng đất Đồ án Quy hoạch Cảng hàng không Quảng Trị giai đoạn đến năm 2030	160.000.000
7	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Linh đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	500.000.000
8	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Đông Thanh tỷ lệ 1/2000	68.667.000
9	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	402.704.000
10	Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA)	182.247.500
11	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	329.750.000
12	Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	4.660.453.300
13	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Gio Linh	3.763.408.000
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Vĩnh Linh	1.750.356.130
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Triệu Phong	960.678.600
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Đakrông	3.702.423.000
-	Hợp phần GPMB Dự án BIIG2 huyện Hướng Hóa	712.789.162
14	Trụ sở Tỉnh ủy và các cơ quan, giai đoạn 1	93.350.000
15	Xây dựng cơ sở hạ tầng di dân ra khỏi vùng ngập lụt 3 xã Triệu Thượng, Triệu Giang, Triệu Long huyện Triệu Phong (giai đoạn 1)	41.051.620
16	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Cồn Cỏ (giai đoạn 2)	1.649.607.070
17	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông	51.300.000
II	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	72.022.727.119
1	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	232.337.000
2	Đường vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (giai đoạn 1)	1.776.662.000
3	Khu đô thị Tân Vĩnh	610.003.000
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu đô thị Bắc Sông Hiếu	6.147.754.000
5	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	52.336.754.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang
6	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến Quốc lộ 9)	2.034.529.000
7	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	79.371.000
8	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ khu vực Bắc sông Hiếu	889.408.000
9	Giải phóng mặt bằng sạch phục vụ đấu giá QSD đất để thực hiện dự án Khu đô thị Thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà	1.252.869.300
10	Đường Trường Chinh, thành phố Đông Hà (đoạn từ Lê Lợi đến đường Hùng Vương)	1.092.813.000
11	Công viên Mini Phường 2, thành phố Đông Hà	790.081.000
12	Đường hai đầu công dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	800.000.000
13	Chợ Tân Liên, Hướng Hóa	1.000.000.000
14	Cầu Trung Yên	228.421.000
15	Cải tạo nhà khách Tỉnh ủy	409.951.819
16	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban Đảng, nhà công vụ	2.341.773.000
III	NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT	1.574.859.000
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà	27.070.000
2	Khoa y học nhiệt đới bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	129.973.000
3	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	17.816.000
4	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới - Huyện Hải Lăng	500.000.000
5	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới - Huyện Triệu Phong	500.000.000
6	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới - Huyện Gio Linh	400.000.000
IV	NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	87.035.000
1	Chợ Vĩnh Sơn; Hạng mục: Đình chợ, sân bê tông, nhà vệ sinh, hố chứa rác thải, bể chứa nước và giếng khoan	23.396.000
2	Trường THPT Cửa Tùng, hạng mục Nhà vệ sinh giáo viên	1.946.000
3	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch tập trung xã Vĩnh Hà	12.337.000
4	Sân thể thao xã Gio Mai; Hạng mục: Nâng cấp mặt sân, xây dựng sân khấu, khán đài.	16.594.000
5	Nhà văn hóa thôn Tân Minh; Hạng mục: Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh, cải tạo nhà.	1.537.000
6	Nhà văn hóa thôn Mai Xá khu vực 1; Hạng mục: Xây dựng tường rào, nhà vệ	788.000
7	Nhà văn hóa thôn Lâm Xuân; Hạng mục: Xây dựng tường rào, cải tạo nhà.	1.735.000
8	Kiên cố hóa đường GTNT thôn An Lợi	9.363.000
9	Tường rào Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Triệu Độ	19.339.000

Biểu số II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
1	Thành phố Đông Hà	0	
2	Thị xã Quảng Trị	10.055.398.000	
3	Huyện Triệu Phong	5.708.948.900	
4	Huyện Hải Lăng	6.606.730.000	
5	Huyện Vĩnh Linh	4.154.600.052	
6	Huyện Gio Linh	3.206.939.000	
7	Huyện Cam Lộ	2.356.662.020	
8	Huyện Đakrông	2.670.594.500	
9	Huyện Hướng Hóa	5.661.403.327	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	614.688.001	
	TỔNG CỘNG	41.035.963.800	







Biểu số II.1

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang
	THỊ XÃ QUẢNG TRỊ	10.055.398.000
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	10.055.398.000
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	10.055.398.000
1	Cơ sở hạ tầng khu đô thị mới võ Thị Sáu (giai đoạn 2)	247.754.000
2	Hệ thống đường giao thông khu dân cư phía Tây đường Nguyễn Trường Tộ	490.947.000
3	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị	52.519.000
4	Đường giao thông khu phố 1, khu phố 3, phường An Đôn	520.140.000
5	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt	7.616.723.000
6	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực đường Lý Thái Tổ - Lê Quý Đôn	69.168.000
7	Hệ thống thoát nước khu dân cư Bàu Châu (Đường Phan Châu Trinh ra sông Thạch Hãn)	3.077.000
8	Hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 1); hạng mục: San lấp mặt bằng, công chính vào cụm công nghiệp, hệ thống điện chiếu sáng	1.055.070.000

Biểu số II.2
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
	HUYỆN TRIỆU PHONG	5.708.948.900
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	5.708.948.900
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	769.683.000
1	Kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu làng nghề sản xuất bún thôn Linh Chiêu, xã Triệu Sơn	322.223.000
2	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa thiếu nhi huyện	447.460.000
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	1.839.265.900
1	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn, huyện Triệu Phong năm 2019	1.215.256.900
2	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong năm 2021	475.312.000
3	Nâng cấp Nhà văn hóa thôn Hà My, xã Triệu Hòa	36.584.000
4	Nâng cấp nhà văn hóa xã Triệu Trung	41.692.000
5	Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã Triệu Trạch	70.421.000
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	3.100.000.000
1	Đường giao thông qua khu dân cư Thâm Triều, xã Triệu Tài	2.000.000.000
2	Đường Hoàng Diệu, thị trấn Ái Tử	1.100.000.000





Biểu số II.3

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kê hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
	HUYỆN HẢI LĂNG	6.606.730.000
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	4.173.077.000
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	811.691.000
1	Đường ra vùng cát xã Hải Thiện (giai đoạn 4, gồm 2 tuyến)	7.428.000
2	Cắm mốc thực địa QH chi tiết xây dựng khu TTCN-DV-TDĐT phía Tây Bắc đường Hùng Vương	4.100.000
3	Trạm bơm Mỹ Chánh xã Hải Chánh	5.237.000
4	Đường ra vùng Phần thôn Trà Lộc, xã Hải Xuân	1.543.000
5	Hệ Thống thoát nước; HM: tuyến 1 phía sau ban QLDA huyện đến trường tiểu học thị trấn; tuyến 2 đường Lương Thế Vinh	2.177.000
6	Khu đô thị khóm 1, thị trấn Hải Lăng: HM: San lấp mặt bằng và đường giao thông	775.831.000
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị phía đông đường Lương Đình Của	15.375.000
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	3.361.386.000
1	Trạm bơm Mỹ Chánh xã Hải Chánh	5.237.000
2	Sửa chữa Phòng Nội vụ huyện Hải Lăng	1.662.000
3	Sửa chữa Trung tâm Phát triển cụm Công nghiệp và Khuyến công huyện	1.127.000
4	Sửa chữa phòng Lao động-TB&XH huyện Hải Lăng	1.338.000
5	Sửa chữa phòng Văn hóa-Thông tin huyện; hạng mục: Chống thấm, sơn sửa nhà làm việc	855.000
6	Sửa chữa phòng Y tế; hạng mục: Lợp, chống thấm mái, quét sơn	1.052.000
7	Xây dựng, lắp đặt hệ thống Camara giám sát ATTT, ATGT trên địa bàn huyện	4.750.000
8	Đường ra vùng cát phát triển sản xuất, xã Hải Ba	150.000.000
9	Điện chiếu sáng trục đường chính thôn Long Hưng (đoạn từ QL1A - Đường tránh Thành Cổ)	23.511.000
10	Sân vận động huyện Hải Lăng	50.000.000
11	Nâng cấp, mở rộng bãi rác tập trung tại thị trấn Diên Sanh	20.000.000
12	GPMB hồ Khe Chè Thượng xây dựng khu công viên	30.000.000
13	Tường rào Nhà văn hóa thôn Kim Long, xã Hải Quế	5.183.000
14	Điện sáng QL 49 đoạn qua thôn Kim Long, xã Hải Quế	6.349.000
15	Sửa chữa Trường TH&THCS Hải Quế	2.102.000
16	Đường ra vùng sản xuất Rú Ràn thôn Đại An Khê, xã Hải Thượng	2.597.000
17	Nâng cấp sân vận động trung tâm xã Hải Ba	347.382.000
18	Nâng cấp đường liên thôn Lam Thủy - Kinh Duy, xã Hải Hưng	1.475.000
19	Đường tránh khu du lịch sinh thái Trà Lộc (đoạn còn lại)	5.334.000
20	Đường vào khu di tích Dũng sỹ Phường Sấn (giai đoạn 2)	4.018.000
21	Nâng cấp đường thôn Mỹ Thủy và sân Trại sở làm việc xã Hải An	4.152.000
22	Đường GTNT-đập Hồ Eo, xã Hải Lâm	1.417.000
23	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND huyện	2.280.000

(Chữ ký)

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
24	Chỉnh trang đô thị trồng cây xanh	11.351.000
25	Đường liên thôn Thiện Tây-Thiện Đông, xã Hải Định	7.742.000
26	Đường trục thôn Nam Chánh, xã Hải Chánh	5.250.000
27	Nhà văn hóa thôn Mỹ Chánh, xã Hải Chánh	6.244.000
28	Đường Trường Sa nối khu dân cư ra vùng sản xuất thôn Trà Lộc, xã Hải Hưng	1.000.000.000
29	Trường TH&THCS Hải Ba	1.400.000.000
30	Xây mới sân, tường rào, cổng NVH thôn Khe Mương	3.358.000
31	Sửa chữa đập ruộng cấy, xã Hải Chánh	1.140.000
32	Sửa chữa đập 15, xã Hải Phú	1.139.000
33	Khắc phục xói lở cầu An Lạc và đường hai đầu cầu xã Hải Phú	247.687.000
34	Chốt kiểm tra y tế phòng, chống dịch Covid- 19	3.602.000
35	Các hạng mục phụ trợ chốt kiểm tra y tế phòng, chống dịch Covid-19	2.052.000
II	CẤP XÃ QUẢN LÝ	2.433.653.000
II.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	
II.2	Nguồn thu sử dụng đất	2.433.653.000
1	Thị trấn Diên Sanh	1.736.676.000
-	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Như Mỹ đến nhà Ông Lê Mạnh, Xóm Hiệp, thôn 3, xã Hải Thọ.	6.832.000
-	Hệ thống điện chiếu sáng ĐT.582 (đoạn từ ngã 5 về Hải Thiện), xã Hải	14.990.000
-	Khu dân cư xã Hải Thọ (nay là thị trấn Diên Sanh). Hạng mục: đất đai; cây trồng, hoa màu; chính sách hỗ trợ; kinh phí phục vụ GPMB công trình, kinh phí thẩm định BT, HT, TĐC.	99.193.000
-	Nâng cấp sân trường mầm non Hải Thọ.	11.049.000
-	Khu đô thị khóm 1, HM: Cấp điện cấp nước, cắm mốc phân lô(giai đoạn	172.602.000
-	Son, sửa trụ sở UBND và nhà văn hóa thị trấn Diên Sanh.	4.506.000
-	Nhựa hóa các tuyến đường khu dân cư phía nam Trường TH&THCS thị trấn Hải Lăng(cơ sở 2)	500.623.000
-	Nâng cấp, mở rộng đường Khóm 3	150.000.000
-	Cải tạo vỉa hè, sân vườn Trường Mầm non Hải Thọ và sửa chữa mặt đường Trần Hữu Dục	39.441.000
-	Nhà văn hóa khóm 1; Hạng mục: Nhà hội Trường	400.000.000
-	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y Tế thị trấn Diên Sanh	2.813.000
-	Cải tạo trụ sở làm việc HĐND, MT và các đoàn thể thị trấn	3.599.000
-	Đầu nối cấp điện sinh hoạt điểm dân cư vùng Choi (giai đoạn 2).	89.873.000
-	Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sỹ thị trấn	7.705.000
-	Nâng cấp đường bê tông khóm 6, từ điểm giao giữa hèm 236 đến nhà bà Nguyễn Thị Hai	11.214.000
-	Điểm dân cư phía đông đường Nguyễn Trãi: HM: Khảo sát,, lập quy hoạch; cây trồng, hoa màu; CS hỗ trợ; KP PV GPMB CT:KP thẩm định BT, HT, TĐC; ĐĐCL và CM GPMB PV CT THĐ, GĐ; CC PLĐG QSD đất	100.000.000
-	Trường mầm non Sơn Ca; Hạng mục: Lát gạch sân bê tông, xây mới bồn hoa, sân cỏ nhân tạo, rãnh thoát nước	2.228.000
-	Trường TH&THCS Hải Thọ; Hạng mục: Xây dựng mới nhà vệ sinh điểm trường Tiểu học.	8.328.000

TT	Danh mục dự án	Kê hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
-	Lát gạch sân trụ sở cơ quan thị trấn	16.933.000
-	Nâng cấp, sửa chữa Trường TH&THCS Bùi Dục Tài; Hạng mục: Sửa chữa mái nhà, chống thấm khối phòng học 02 tầng điểm trường THCS; Sửa chữa mái nhà, chống thấm khối phòng học 02 tầng điểm trường TH.	2.405.000
-	Sửa chữa, chống thấm nhà văn hóa thị trấn	2.161.000
-	Nâng cấp đê thiện thọ(đoạn nối tiếp)	2.340.000
-	Chống úng cục bộ khu dân cư Vùng Choi tuyến đường nhà ông Hoàng	15.203.000
-	Nâng cấp một số hạng mục phụ trợ chợ Diên Sanh	23.148.000
-	Nâng cấp một số hạng mục phụ trợ chợ thị trấn Hải Lăng	12.064.000
-	Nâng cấp chợ thị trấn Hải Lăng , Hạng mục: Nâng cấp tường rào hàng cá	37.426.000
2	Xã Hải Phú	379.362.000
-	Nhà văn hoá khu vực đối 6 thôn Long Hưng	23.212.000
-	Nâng cấp mở rộng đường vào trường TH-THCS Hải Phú (khu vực 3 thôn Long Hưng)	163.923.000
-	Bê tông nền ngõ Sơn thôn Long Hưng xã Hải phú	188.652.000
-	Biển báo các tuyến đường do thôn quản lý trên địa bàn xã Hải phú	3.575.000
3	Xã Hải Ba	4.135.000
-	Di dời đình phụ chợ Cổ Lũy từ chợ cũ sang chợ mới, đổ bê tông sân, san	1.613.000
-	Trường Mầm non Hải Ba; hạng mục: Cải tạo phòng học, nhà vệ sinh và tường rào khu vực lẻ Phương Lang	2.522.000
4	Xã Hải Định	3.335.000
-	Điện chiếu sáng xã Hải Định (khu vực xã Hải Thiện cũ)	3.335.000
5	Xã Hải Dương	72.063.000
-	Bê tông khuôn viên cổng làng và nâng cấp đường kiểu mẫu Đông Dương	1.266.000
-	Trường mầm non Hải Dương, hạng mục: Nhà 1 tầng, 4 phòng học	32.661.000
-	Đường ra vùng cát xóm Nầy, thôn Diên Khánh xã Hải Dương	18.488.000
-	Đường ra vùng cát thôn An Nhơn, xã Hải Dương	9.211.000
-	Đường ra vùng cát thôn Đông Dương, xã Hải Dương	6.160.000
-	Đường xóm mới Tân Lập, xã Hải Dương	3.585.000
-	Nhà trực chốt xã Hải Dương, huyện Hải Lăng	692.000
6	Xã Hải Sơn	12.955.000
-	Tường rào trụ sở UBND xã	8.454.000
-	Điện chiếu sáng, cây xanh, bảng điện tử trụ sở làm việc và nhà văn hoá xã	4.501.000
7	Xã Hải Hưng	225.127.000
-	Nâng cấp tuyến ống cấp nước sinh hoạt khu vực Lam Thủy	64.261.000
-	Nâng cấp tuyến ống cấp nước sinh hoạt khu vực Thuận Nhơn-Thị Ông	10.737.000
-	Bê tông hoá GTNĐ Nam Nhi (Ngõ Trí Bản đến KN4)	8.404.000
-	Bê tông hoá GTNĐ từ đường liên xã đến công xiphong KN4	3.830.000
-	Nâng cấp tuyến ống cấp nước sinh hoạt khu vực Thuận Nhơn-Thị Ông	38.692.000
-	Bê tông hoá đường giao thông nội đồng HTX Trà Lộc	20.842.000
-	Bê tông hoá GTNT, thôn Trà Lộc	6.513.000
-	Xây dựng tường rào sân thể thao xã (tại thôn Trà Lộc)	2.763.000
-	Đường kiểu mẫu thôn Trà Lộc	31.396.000
-	Nâng cấp đường ra nghĩa địa vùng Chúa Nghệ	1.172.000
-	Đường ống cấp nước sinh hoạt Thuận Đức- Lam Thủy	7.644.000
-	Đường kiểu mẫu xã Hải Hưng	24.300.000
-	Nâng cấp một số hạng mục chợ Hải Xuân, xã Hải Hưng	4.573.000

P2

huda

2014年12月
第12期
第12卷

12

Biểu số II.4
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
	HUYỆN VĨNH LINH	4.154.600.052
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	4.154.600.052
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	4.049.513.052
1	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Hiền Dũng	2.699.000
2	Di dời hệ thống đường điện 22 Kv đi qua đất ông Nguyễn Đăng An thôn Lai Bình xã Vĩnh Chấp	684.000
3	Đường nối trung tâm xã Vĩnh Long với các xã miền Tây và miền Đông huyện Vĩnh Linh đến QL1 (đợt 1)	8.116.000
4	Nâng cấp đường Huyền Trân Công Chúa	62.779.000
5	Nâng cấp đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Hồ Xá	6.685.000
6	Nâng cấp, tôn tạo Bia công tích Huỳnh Công; Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	839.000
7	Nhà văn hóa thôn Linh Đơn; Hạng mục: Sân bê tông lát gạch, cổng tường rào	1.309.000
8	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh	512.114.000
9	Trường mầm non Vĩnh Hòa; Phòng làm việc giáo viên và nhà vệ sinh ngoài trời cụm Đơn Duệ	1.994.000
10	Trường tiểu học Võ Thị Sáu; Hạng mục: Kè chắn đất, bồn hoa và sân thể	3.412.000
11	Trường THPT Cửa Tùng; Hạng mục: Nhà học thực hành, nhà đa năng và hạng mục phụ trợ	110.953.000
12	Xây dựng hệ thống biển báo giao thông xã Kim Thạch	567.000
13	Xây mới 02 phòng học đa chức năng Trường mầm non Sơn Ca	3.682.000
14	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn thủy Ba Đông, xã Vĩnh Thủy huyện Vĩnh Linh giai đoạn 1	410.900.000
15	xây dựng CSHT các lô nhỏ lẻ tại thôn Hòa Bình, Hiền dũng, linh đơn xã Vĩnh Hòa	11.154.000
16	Thay thế nâng cấp các thiết chế văn hóa xã Kim Thạch	2.352.000
17	Khu đô thị Tây Nam quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	195.032.000
18	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố Phú Thị Đông (Khóm 3 giai đoạn 2), khu dân cư khu phố 6 thị trấn Hồ Xá	2.170.685.052
19	Khu dân cư khóm 3 thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	14.948.000
20	Hệ thống đài truyền thanh IP thị trấn Hồ Xá	9.407.000
21	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc; Hạng mục: Sân thể dục	1.728.000
22	Nâng cấp đường Phan Huy Chú, thị trấn Hồ Xá	338.400.000
23	Kè chắn đất đường giao thông khu phố Thống Nhất, thị trấn Hồ Xá	1.562.000
24	Đường bê tông và kè chắn đất đường nội khu phố 8	7.971.000
25	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Hồ Xá	8.859.000
26	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Hiền Dũng, xã Vĩnh Hòa	18.847.000
27	Trụ sở UBND xã Vĩnh Hòa; HM: Tường rào, ga ra để xe.	20.863.000
28	Hệ thống thiết chế văn hóa xã (Pano, áp phích)	12.019.000

93

hala

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
29	Quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư các thôn Tân Trại 1, Tân An, Cổ Mỹ, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị	15.037.000
30	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu dân cư nhỏ lẻ xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh	17.886.000
31	Nâng cấp sửa chữa các trục đường nội thôn và liên gia do mua lu làm hư hỏng	12.179.000
32	Xây dựng hệ thống rãnh, bồn hoa trục đường chính từ thôn Nồng đến thôn Đông xã Vĩnh Kim	8.312.000
33	Khu dân cư nông thôn thôn An Cổ, Động Sỏi, thôn Sẻ xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Cắm mốc phân lô, lập bản đồ địa chính	54.667.000
34	Trường Tiểu học Kim Thạch - cơ sở 2, hạng mục: Nhà xe học sinh	872.000
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	105.087.000
1	Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Trung	35.433.000
2	Nâng cấp đường Khu dân cư Trạng Vụng và Khu dân cư An Hòa 2, thị trấn Cửa Tùng	5.194.000
3	Nâng cấp các tuyến đường giao thông Khu phố 4, thị trấn Hồ Xá (Kiệt 20 đường Phạm Văn Đồng, Kiệt 23 đường Tôn Đức Thắng)	5.475.000
4	Trụ sở UBND thị trấn Bến Quan; HM: Xây dựng mới công, tường rào, lát gạch Terazzo sân bê tông, nhà xe và sơn nhà làm việc công an quân sự	5.699.000
5	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông liên thôn Sa Bắc - Trung Lập và Công dân sinh thôn Xóm Mọi đi thượng Hòa, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh	22.651.000
6	Nâng cấp các tuyến đường giao thông Khu phố 1, thị trấn Hồ Xá (Kiệt 29 và Hẻm 02,06 đường Lý Thánh Tông)	6.314.000
7	Nâng cấp đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Hồ Xá (đoạn từ đường Trần Phú đi đường Nguyễn Văn Linh)	6.840.000
8	Điện chiếu sáng đường Huyền Trân Công Chúa, thị trấn Hồ Xá	6.883.000
9	Đường liên thôn Liêm Công Tây - Liêm Công Đông, xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh	5.700.000
10	Xây dựng chốt kiểm tra y tế phòng, chống dịch Covid 19 huyện Vĩnh Linh	4.898.000



Biểu số II.5

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
	HUYỆN GIO LINH	3.206.939.000
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	3.162.056.000
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	242.065.000
1	Trường TH và THCS Gio Quang; Hạng mục: Phòng đa chức năng điểm trường Thôn Tân Kỳ (giai đoạn 1)	232.077.000
2	Đường vào khu kinh tế vùng cát thị trấn Cửa Việt (giai đoạn 1)	9.988.000
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	2.490.074.000
1	Trường mầm non Hải Thái. Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp 3 phòng học	3.095.000
2	Trường mầm non Gio Châu; Hạng mục: Nhà 2 tầng 4 phòng học	183.854.000
3	Trường TH và THCS Gio Quang; Hạng mục: Phòng đa chức năng điểm trường Thôn Tân Kỳ (giai đoạn 1)	303.000.000
4	Sửa chữa, nâng cấp trường TH&THCS Gio Mỹ ; Hạng mục: Tu sửa phòng học, nâng cấp sân, tường rào cụm Cẩm Khê	4.621.000
5	Xây dựng nhà văn hóa Thôn Tân Kỳ (Thôn mới sáp nhập)	1.000.000.000
6	Nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh xã Gio Mỹ	1.848.000
7	Xây dựng bể chứa rác thải, bảo vệ thực vật 6 thôn, xã Gio Mỹ	4.404.000
8	Phát triển điểm dân cư xã Gio Hòa	46.370.000
9	Phát triển điểm dân cư xã Linh Hải	57.452.000
10	Phát triển điểm dân cư xã Gio Sơn	60.554.000
11	Phát triển điểm dân cư xã Gio Châu	168.522.000
12	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng đường Nguyễn Chí Thanh, đường Trần Đình Ân, thị trấn Gio Linh (giai đoạn 1)	3.793.000
13	Đường Bến U đi thôn Lan Đình-Phong Bình (giai đoạn 1)	6.840.000
14	Kênh tưới kết hợp tiêu HTX Thủy Khê	24.345.000
15	Kênh tiêu HTX Lại An	5.700.000
16	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	300.000.000
17	Sửa chữa trụ sở UBND xã Trung Sơn; Hạng mục: Thay cửa, mái, trần la phong	12.563.000
18	Trụ sở UBND xã Gio An; Hạng mục: Xây mới 05 phòng làm việc	5.700.000
19	Đường bê tông nội đồng thôn Lại An năm 2020; Hạng mục: Tuyến 1	25.948.000
20	Nâng cấp đường liên thôn Cẩm Phô đến thôn Nhĩ Thượng	25.876.000
21	Kênh muong nội đồng thôn Lại An năm 2020; Hạng mục: Tuyến 1	26.011.000
22	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở xã Gio Mỹ năm 2020; Hạng mục: Trụ sở Ủy ban, UBMT và các đoàn thể	20.662.000
23	Nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Gio Mỹ năm 2020 (Giai đoạn 2)	3.534.000
24	Sửa chữa, nâng cấp trường TH&THCS Gio Mỹ; Hạng mục: Sân cụm Thượng Mỹ, điểm trường Trung tâm	26.067.000
25	Sửa chữa, nâng cấp trường Mầm non xã Gio Mỹ; Hạng mục: Nâng cấp nền 4 phòng học, sân trường, đường, tường rào cụm Cẩm Khê	24.575.000
26	Nâng cấp sân vận động xã Gio Mỹ	43.843.000
27	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đèn LED hình các loại hoa trên Quốc Lộ 1A	4.168.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
28	Nâng cấp đê tả Thạch Hản đoạn Mai Xá, xã Gio Mai; Hạng mục: Đền bù, giải phóng mặt bằng 02 công tròn của hộ ông Nguyễn Văn Thắng và Trần Đại Nghĩa	50.000.000
29	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm học tập cộng đồng thôn Lại An (Giai đoạn	13.064.000
30	Nâng cấp đường điện thấp sáng thôn Lại An	7.660.000
31	Nhà bia tưởng niệm thôn Lại An (Giai đoạn 2)	11.470.000
32	Sửa chữa trụ sở UBND xã Trung Sơn; Hạng mục: Sơn mới toàn bộ nhà.	4.096.000
33	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Hải Thái	3.526.000
34	Công chào trang trí Led tại đường 2/4 - thị trấn Gio Linh (giai đoạn 2)	1.182.000
35	Sửa chữa, cải tạo bãi rác tập trung huyện Gio Linh	5.731.000
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	429.917.000
1	Chợ Mai xá, xã Gio Mai	87.463.000
2	Chợ Cồn Tiên, xã Hải Thái; Hạng mục: Sân bê tông, hàng rào, nhà Ban quản lý chợ	84.873.000
3	Kiến cố hoá kênh tưới Trường Thọ	224.243.000
4	Khắc phục khẩn cấp kè bờ hữu sông Bến Hải đoạn qua xã Trung Sơn	33.338.000
II	CẤP XÃ QUẢN LÝ	44.883.000
1	Thị trấn Gio Linh	8.395.000
-	Hệ thống rãnh thoát nước đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Gio Linh	7.895.000
-	Xây dựng mương tưới, tiêu vùng Lịch	500.000
2	Xã Gio Quang	238.000
-	Đường cấp phối nội đồng HTX Kỳ Trúc năm 2021	238.000
3	Xã Gio Mai	34.353.000
-	Bê tông hoá kênh mương nội đồng thôn Tân Minh N4	5.366.000
-	Sửa chữa, nâng cấp các công trình xây dựng xã Gio Mai	28.987.000
4	Xã Gio Mỹ	1.897.000
-	Kênh tưới trạm bơm Nhĩ Thượng (Giai đoạn 2)	1.897.000

Biểu số II.6
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
	HUYỆN CAM LỘ	2.356.662.020
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	1.137.416.000
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	744.682.000
1	Quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị phía Nam trung tâm TT Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	229.924.000
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực Ngã Tư Sòng	39.483.000
3	Xử lý ô nhiễm môi trường tại làng bún Cẩm Thạch, Cam An	7.440.000
4	Mô hình lò đốt rác cụm xã huyện Cam Lộ	53.549.000
5	Xây dựng ô chôn lấp rác thải tập trung huyện Cam Lộ; Địa điểm: xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ	273.228.000
6	Hệ thống giao thông vùng nguyên liệu cây con chủ lực	34.551.000
7	Đường liên xã Cam Hiếu-TT Cam Lộ, huyện Cam Lộ	77.258.000
8	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Hàm Nghi TT Cam Lộ	29.249.000
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	392.734.000
1	Khắc phục xói lở cầu và đường hai đầu cầu Thượng lâm, xã Cam Thành	392.734.000
II	CẤP XÃ QUẢN LÝ	1.219.246.020
II.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	
II.2	Nguồn thu sử dụng đất xã	1.219.246.020
1	Trường TH & THCS Cam Hiếu; HM: Thoát úng, sân, tường rào	25.200.020
2	Đường vào Nghĩa trang Liệt sỹ và trung tâm văn hoá - thể thao xã Cam	591.494.000
3	Đường vào vùng sản xuất tập trung xã Cam Thành	388.597.000
4	Hệ thống đường giao thông KP7 thị trấn Cam Lộ	12.842.000
5	Đường vào vùng SX tập trung xã Cam Tuyền	201.113.000





Biểu số II.7

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 ĐÓNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022**
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
	HUYỆN ĐAKRÔNG	2.670.594.500
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	2.670.594.500
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	225.000.000
1	Cắm mốc thực địa theo quy hoạch giao thông thị trấn Krông Klang	150.000.000
2	Thiết bị hệ thống công sự trận địa, sở chỉ huy trong diễn tập phòng thủ huyện Đakrông (GD 2)	75.000.000
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	2.223.657.000
1	Tạo quỹ đất để đấu giá QSD đất các lô xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn thị trấn	26.965.000
2	Tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất công ty lương thực bàn giao	211.186.000
3	Dự án ĐTXD khu TĐC di dân khẩn cấp, ổn định di dân, định cư ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở xã Tà Rụt. HM: Cắm mốc, phân lô.	72.486.000
4	San tạo mặt bằng để đấu giá QSD đất hai bên tuyến đường T4, thị trấn Krông Klang (GD 2)	658.629.000
5	Nhà văn hóa khóm II-Thị trấn Krông Klang	249.274.000
6	Sửa chữa trụ sở thị trấn Krông KLang	5.117.000
7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cụm dân cư hai bên tuyến đường T3 đi bệnh viện (đường Nguyễn Du)	1.000.000.000
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	221.937.500
1	Sửa chữa trụ sở xã A Ngo, huyện Đakrông	17.314.000
2	Cải tạo trụ sở làm việc UBND huyện và mua sắm trang thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến cấp huyện, cấp xã	194.138.500
3	Sửa chữa trụ sở Trung tâm Chính trị huyện	6.614.000
4	Trường mầm non Hướng Hiệp-điểm trường chính; Hạng mục: nhà bếp	2.044.000
5	Đường nội đồng thôn Xuân Lâm	1.827.000

12

Pank

Biểu số II.8
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
	HUYỆN HƯỚNG HÓA	5.661.403.327
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	5.494.652.300
I.1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	139.142.000
1	Sửa chữa trụ sở Thanh tra huyện Hướng Hóa	4.794.000
2	Nâng cấp đường Văn Cao, Khối 2 thị trấn Khe Sanh	7.294.000
3	Trường Mầm non Tân Hợp	6.395.000
4	Trường THCS Khe Sanh - HM: Cải tạo nhà học 02 tầng và nhà hiệu bộ	55.717.000
5	Trường THCS Tân Liên - HM: Cải tạo nhà học 10 phòng, nhà học 04 phòng và nhà vệ sinh	22.565.000
6	Đường kiệt 283 Lê Duẩn nối kiệt 9 Đinh Tiên Hoàng, khối 3B, thị trấn Khe Sanh	37.627.000
7	Sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Khe Sanh	4.750.000
I.2	Nguồn thu sử dụng đất	46.774.000
1	Sửa chữa trụ sở phòng Nội vụ và các cơ quan	11.135.000
2	Sửa chữa trụ sở Trung tâm y tế huyện	35.639.000
I.3	Nguồn vốn đầu tư công khác	5.308.736.300
1	Trường Mầm non Hướng Linh - Điểm trường thôn Mới	59.431.000
2	Trường Mầm non A Túc - Điểm trường Tăng Cô	8.446.000
3	Trường Mầm non Tân Hợp	284.983.000
4	Trường Tiểu học số 1 Khe Sanh - HM: Sửa chữa nhà học 02 tầng 08 phòng học, nhà vệ sinh, bếp ăn và một số hạng mục phụ trợ	94.095.000
5	Trường Tiểu học số 2 Khe Sanh - HM: Cải tạo nhà học 02 tầng 12 phòng học	67.099.000
6	Sửa chữa khẩn cấp cống tràn thôn Sê Pu thuộc tuyến đường Cha Lý - Sê Pu xã Hướng Lập	4.884.000
7	Sửa chữa khẩn cấp cống tràn thôn Xa Re đi thôn Ruộng xã Hướng Tân	9.631.000
8	Sửa chữa khẩn cấp cống tràn thôn Tân Vĩnh đi thôn Ruộng xã Hướng Tân	4.122.000
9	Sửa chữa khẩn cấp cầu tràn thôn Tân Hào, xã Tân Liên	13.098.000
10	Nhà văn hóa truyền thống Vân Kiều - Pa Cô; Hạng mục: Sửa chữa sau bão số 9	1.297.000
11	Đường giao thông T4 xã Tân Hợp	46.650.000
12	Cầu Bản Vây 1, xã Tân Lập GD2	40.534.000
13	Cầu bản tại Bản 2; Cống tại thôn Úp Ly 2	22.019.000
14	Đường giao thông xã Thanh xã Xy	310.345.000
15	Đường giao thông xã Thuận đi xã Hướng Lộ	25.979.000
16	Cống tràn thôn Pá Xía	19.424.000
17	Cống tràn thôn A Dơi Đớ, thôn Xa Doan	71.677.000
18	Cống tràn đường giao thông thôn Hùn đi thôn Pàng	38.411.000
19	Kè chắn đất trường Mầm non Ba Tầng	51.105.000
20	Đường giao thông thôn Cha Lý đi thôn Cù Bai	68.298.000
21	Đường giao thông A Túc đi xã Xy	136.241.000

Handwritten signature and initials

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
22	Cầu tràn Km2+500 - Đường vào thác Ô Ô xã Tân Long	73.774.000
23	Cầu tràn Km2+750 - Đường vào thác Ô Ô xã Tân Long	72.069.000
24	Cổng tràn thôn Chênh Vên, xã Hướng Phùng	1.205.055.100
25	Cổng tràn thôn Xa Ry, xã Hướng Phùng	52.804.000
26	Đường Đình Tiên Hoàng	504.437.000
27	Đường giao thông xã Hướng Phùng đi xã Hướng Sơn	1.586.210.000
28	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn A Ho, xã Thanh	43.662.000
29	Đường giao thông thôn Mã Lai đi thôn Pun, xã Hướng Phùng	30.915.000
30	Đường giao thông liên thôn Tà Rùng, xã Hướng Việt	6.189.000
31	Đường giao thông thôn Tân Trung, xã Tân Lập đi thôn Pa Ka, xã Hướng	9.397.000
32	Đường giao thông thôn Xa Tuông đi thôn Ba Tầng (đoạn thôn Xa Tuông đi thôn Măng Sông)	205.659.200
33	Trường Tiểu học Hướng Tân	1.752.000
34	Trường TH&THCS Hướng Việt	104.808.000
35	Trường THCS Khe Sanh	2.886.000
36	Trường Tiểu học số 2 Khe Sanh	4.995.000
37	Trường Mầm non Tân Liên	570.000
38	Trường Mầm non Tân Thành	18.948.000
39	Đường Trường Chinh	1.253.000
40	Đường Phan Đình Phùng	5.584.000
II	CẤP XÃ QUẢN LÝ	166.751.027
1	Kiệt 48 Phan Chu Trinh nối Đình Tiên Hoàng	18.638.000
2	Sửa chữa sân Ủy ban nhân dân xã Tân Lập và các hạng mục liên quan	103.027.027
3	Xây dựng công trình đường bê tông nội bộ khu tái định cư Ra Ly - Rào, xã Hướng Sơn	28.225.000
4	San lấp mặt bằng, cắm mốc, phân lô khu tái định cư thôn Ra Ly - Rào, xã Hướng Sơn	16.861.000

Biểu số II.9
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2021 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2021 kéo dài sang năm 2022
	HUYỆN ĐẢO CỒN CỎ	
I	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	
1	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí	614.688.001
-	Đường T3, huyện đảo Cồn Cỏ	614.688.001





